

Bố Trạch, ngày 19 tháng 11 năm 2021

Số: 62/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2021/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Bản R, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hoài N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về con chung: Chị C và anh N có 02 con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 19/8/2020 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/8/2021. Sau khi ly hôn giao chị C trực tiếp nuôi con Nguyễn Hải Đ và giao anh N trực tiếp nuôi con Nguyễn Tuấn V. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị C được miễn án phí ly hôn. Anh Nguyễn Hoài N phải nộp tiền án phí ly hôn là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
 - VKSND huyện B;
 - Chi cục THADS huyện B;
 - Các đương sự;
 - UBND thị trấn P;
- (GCNKH số: 85/2019, ngày 08/11/2019)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu